

UBND TỈNH ĐẮK LẮK
SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /SKHCN-VP
V/v thông báo cắt giảm thời gian
giải quyết đối với một số TTHC thuộc
phạm vi chức năng quản lý của
Sở Khoa học và Công nghệ

Đắk Lắk, ngày tháng 7 năm 2026

Kính gửi:

- Các Sở, ban, ngành;
- UBND các xã, phường;
- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Đắk Lắk.

Căn cứ Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ về phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ; Nghị quyết 66.18/2026/NQ-CP ngày 18/5/2026 của Chính phủ về phân quyền, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh;

Căn cứ Thông tư số 20/2026/TT-BKHCN ngày 20/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ: Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư đề cắt giảm, đơn giản hoá thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ các Quyết định công bố danh mục thủ tục hành chính của UBND tỉnh: Quyết định số 1706/QĐ-UBND ngày 02/6/2026, Quyết định số 1715/QĐ-UBND ngày 03/6/2026; Quyết định số 1641/QĐ-UBND ngày 29/5/2026; Quyết định số 1637/QĐ-UBND ngày 06/5/2026; 2031/QĐ-UBND ngày 29/6/2026

Sở Khoa học và Công nghệ thông báo danh mục thủ tục hành chính được cắt giảm thời gian giải quyết thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Khoa học và Công nghệ, như sau:

1. Lĩnh vực Bưu chính (7):

1.1. Cắt giảm thời gian giải quyết từ 07 ngày làm việc xuống còn 03 ngày làm việc đối với 02 thủ tục, gồm:

- Cấp lại giấy phép bưu chính khi bị mất hoặc hư hỏng không sử dụng được (nội tỉnh) (1.004.379);
- Cấp lại văn bản xác nhận thông báo khi bị mất hoặc hư hỏng không sử dụng được (nội tỉnh) (1.005.442)

1.2. Cắt giảm thời gian giải quyết từ 10 ngày làm việc xuống còn 05 ngày làm việc đối với 02 thủ tục, gồm:

- Sửa đổi, bổ sung giấy phép bưu chính (nội tỉnh) (1.003.687);

- Cấp lại giấy phép bưu chính khi hết hạn (nội tỉnh) (1.003.633);
- Cấp văn bản xác nhận thông báo hoạt động bưu chính (nội tỉnh) (1.004.470);
- Sửa đổi, bổ sung văn bản xác nhận thông báo hoạt động bưu chính (nội tỉnh) (1.010.902).

1.3. Cắt giảm thời gian giải quyết từ 20 ngày làm việc xuống còn 10 ngày làm việc: Cấp giấy phép bưu chính (nội tỉnh) (1.003.659)

2. Lĩnh vực Viễn thông và Internet (14):

2.1. Cắt giảm thời gian giải quyết từ 15 ngày làm việc xuống còn 10 ngày làm việc đối với 07 thủ tục, gồm:

- Sửa đổi, bổ sung giấy phép cung cấp quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều 36 Nghị định số 163/2024/NĐCP dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trong một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương đối với trường hợp" (1.013.903);

- Sửa đổi, bổ sung giấy phép cung cấp vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trong một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương đối với trường hợp quy định tại điểm a khoản 2 Điều 36 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số (1.013.904);

- Cấp lại giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trong một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (1.013.907);

- Gia hạn giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trong một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (1.013.905);

- Cấp giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất) (1.013.899);

- Gia hạn giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất) (1.013.906);

- Cấp lại giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất). (1.013.976).

2.2. Cắt giảm thời gian giải quyết từ 10 ngày làm việc xuống còn 08

ngày làm việc đối với 02 thủ tục, gồm:

- Thu hồi giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, viễn thông trong một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng (1.013.909);

- Thu hồi giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng, loại hình cáp trên mạng viễn thông cố định mặt đất) và giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ viễn thông dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung (1.013.908)

2.3. Cắt giảm thời gian giải quyết từ 5 ngày làm việc xuống còn 03 ngày làm việc đối với 03 thủ tục, gồm:

- Đăng ký cung cấp dịch vụ viễn thông (1.013.912);
- Hoàn trả số thuê bao di động H2H được phân bổ theo phương thức đấu giá (1.013.911);
- Phân bổ số thuê bao di động H2H theo phương thức đấu giá (1.013.910).

2.4. Cắt giảm thời gian giải quyết từ 3 ngày làm việc xuống còn 02 ngày làm việc: Thông báo cung cấp dịch vụ viễn thông đối với doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông cơ bản trên Internet, dịch vụ điện toán đám mây, dịch vụ thư điện tử, dịch vụ thư thoại, dịch vụ fax gia tăng giá trị (1.013.897)

2.5. Cắt giảm thời gian giải quyết từ 45 ngày làm việc xuống còn 16 ngày làm việc: Giải quyết tranh chấp trong kinh doanh dịch vụ viễn thông đối với tranh chấp của doanh nghiệp viễn thông thuộc phạm vi giấy phép cung cấp dịch vụ có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trên một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (1.013.819)

3. Lĩnh vực Tần số vô tuyến điện (8)

3.1. Cắt giảm thời gian giải quyết từ 22 ngày xuống còn 09 ngày làm việc đối với 02 thủ tục, gồm:

- Cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với mạng thông tin vô tuyến điện nội bộ (2.002.788)
- Sửa đổi, bổ sung giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với mạng thông tin vô tuyến điện nội bộ (2.002.790)

3.2. Cắt giảm thời gian giải quyết từ 07 ngày xuống còn 05 ngày làm việc đối với 03 thủ tục, gồm:

- Gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện đặt trên phương tiện nghề cá (2.002.778);
- Gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài tàu (trừ đài tàu hoạt động tuyến quốc tế) (2.002.784);

- Gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với mạng thông tin vô tuyến điện nội bộ (2.002.789).

3.3. Cắt giảm thời gian giải quyết từ 07 ngày xuống còn 03 ngày làm việc đối với 02 thủ tục, gồm:

- Cấp đổi giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện đặt trên phương tiện nghề cá (2.002.775)

- Cấp đổi giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài tàu (trừ đài tàu hoạt động tuyến quốc tế) (2.002.785)

- Cấp đổi giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với mạng thông tin vô tuyến điện nội bộ (2.002.780)

4. Lĩnh vực Hoạt động khoa học và công nghệ (3)

- Cắt giảm thời gian giải quyết từ **15 ngày làm việc xuống còn 08 ngày làm việc**: Cấp Giấy chứng nhận đăng ký tổ chức khoa học và công nghệ (1.014.389);

- Cắt giảm thời gian giải quyết từ **10 ngày làm việc xuống còn 06 ngày làm việc**: Thay đổi, bổ sung, cấp lại giấy chứng nhận đăng ký tổ chức khoa học và công nghệ (1.014.390)

- Cắt giảm thời gian giải quyết từ **20 ngày xuống còn 12 ngày làm việc**: Thủ tục đặt và tổ chức xét tặng giải thưởng của tổ chức, cá nhân cư trú hoặc hoạt động hợp pháp tại Việt Nam (1.014.383)

Trong quá trình thực hiện TTHC thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Khoa học và Công nghệ, nếu gặp khó khăn vướng mắc, tổ chức, cá nhân vui lòng liên hệ đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả Sở Khoa học và Công nghệ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh qua số điện thoại 02623.650650 (nhấn phím 10) để được giải đáp, hỗ trợ.

Đề nghị Quý cơ quan, đơn vị quan tâm, phối hợp tuyên truyền và đăng tải lên Trang thông tin điện tử của đơn vị mình để người dân, doanh nghiệp được biết./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (báo cáo);
- GD, các PGĐ Sở;
- Các phòng, đơn vị thuộc Sở;
- Website Sở;
- Lưu: VT, VP (Tiền)

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Phạm Gia Việt